TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2025/QĐST-KDTM	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 91/2025/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1 – Chi nhánh C (nay đổi tên thành Ngân hàng N1 - Chi nhánh T). Địa chỉ trụ sở chính: số B đường L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: 112 T, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Quang V, sinh năm 1983 (Quyết định ủy quyền số 870/NHNo.CN3-TH ngày 17/4/2025).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH X. Địa chỉ trụ sở chính: B T, phường T, Thành phố Hồ

Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1996 (Giấy ủy quyền số 001/2025/GUQ/TANLOCPHAT ngày 05/5/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần E. Địa chỉ trụ sở chính: tổ A, ấp C, xã X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1996 (Giấy ủy quyền số 001-ED/2025/GUQ/ES1 ngày 05/5/2025).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền phải thanh toán: Tổng số tiền Công ty TNHH X phải thanh toán cho Ngân hàng N1 – Chi nhánh C (nay đổi tên thành A Chi nhánh T) tính đến ngày 21/7/2025 là: 26.462.387.397 (hai mươi sáu tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng; Trong đó nợ gốc: 19.498.000.000 (mười chín tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu) đồng; lãi trong hạn: 5.031.722.192 (năm tỷ không trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai) đồng; lãi quá hạn: 1.932.665.205 (một tỷ chín trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm) đồng.

2.2. Về phương thức và thời gian thanh toán: Công ty TNHH X1 toàn bộ số tiền 26.462.387.397 (hai mươi sáu tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng và lãi phát sinh sau ngày 21/7/2025 cho Ngân hàng N1 – Chi nhánh C (nay đổi tên thành A Chi nhánh T) là một lần vào ngày 31/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty TNHH X phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng do các bên ký tính từ ngày 22/7/2025 cho đến khi Công ty TNHH X1 xong các khoản nợ cho Ngân hàng N1 –A Chi nhánh T.

2.3. Sau ngày 31/12/2025, trường hợp Công ty TNHH X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ như đã nêu trên thì Ngân hàng N1 – A Chi nhánh T có quyền yêu cầu Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 178, tờ bản đồ số 63, diện tích 7321.0m^2 tọa lạc xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH246503, số vào sổ cấp GCN: CT71250 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/11/2022 và Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 179, tờ bản đồ số 63, diện tích 1011.9m^2 tọa lạc xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH246502, số vào sổ cấp GCN: CT71251 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/11/2022 do Công ty cổ phần E là chủ sở hữu để Ngân hàng N1 – A Chi nhánh T thu hồi nợ.

2.4. Sau khi Công ty TNHH X1 xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng N1 – A Chi nhánh T thì Ngân hàng phải giải chấp tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 178, tờ bản đồ số 63, diện tích 7321.0m^2 tọa lạc xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH246503, số vào sổ cấp GCN: CT71250 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/11/2022 và Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 179, tờ bản đồ số 63, diện tích 1011.9m^2 tọa lạc xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH246502, số vào sổ cấp GCN: CT71251 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đ cấp ngày 07/11/2022 do Công ty cổ phần E là chủ sở hữu và trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ có liên quan đến tài sản thế chấp cho Công ty Cổ phần E.

2.5. Công ty TNHH X trả lại chi phí tố tụng là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng cho Ngân hàng N1 –A Chi nhánh T.

3. Về án phí kinh doanh thương mại hòa giải thành: 67.231.193 (sáu mươi bảy triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn một trăm chín mươi ba) đồng. Công ty TNHH X tự nguyện chịu. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 66.675.461 (sáu mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi mốt) đồng theo Biên lai thu số 0059865 ngày 08/4/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự Quận 3 (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nhật Minh